**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁP ÁN CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luân/ Câu phân theo mục đích nói/ Hành động nói | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luân/ Câu phân theo mục đích nói | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, kiểu văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm, chức năng của câu cầu khiến, mục đích của hành động nói.  - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa của từ.  **\* Thông hiểu**:  -Nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ  **\* Vận dụng:**  **-** Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân có thêm kinh nghiệm sống.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)  **Vận dụng:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện cảm xúc của bản thân trước sự việc cần bàn luận.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUÔI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I.Phần đọc hiểu (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:**

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

Con hãy yêu thương tất cả mọi người chung quanh mình và tận tình giúp đỡ họ khi mình có thể làm được. Con đừng tranh hơn với ai, hãy nhường nhịn cho họ hơn mình. Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi nó được tưới mát bằng dòng nước của thương yêu. Không có thương yêu, thế giới này lập tức biến thành địa ngục. Con hãy luôn luôn để mắt xem mọi người đang cần gì và tìm cách giúp đỡ họ. Nhưng hãy giúp đỡ một cách kín đáo đừng khoe cho mọi người biết, khi chúng ta tự hào về lòng tốt của mình thì tình nhân ái chân thật đã biến mất mà niềm kiêu hãnh đã chiếm chỗ.

**(Việt Quang – *Trở lại thiên đường)***

**Câu 1.** Đoạn văn trên sử dụng kiểu văn bản nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | C. Biểu cảm |
| **B. Nghị luận** | D. Miêu tả |

**Câu 2.** Xét theo kiểu câu chia theo mục đích nói đã học thì câu : “ *Con hãy luôn luôn để mắt xem mọi người đang cần gì và tìm cách giúp đỡ họ”,* thuộc kiểu câu gì?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Câu cầu khiến** | C. Câu cảm thán |
| B. Câu trần thuật | D. Câu nghi vấn |

**Câu 3.** Đoạn văn trên có mấy câu cầu khiến?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 2 | **C. 4** |
| B. 3 | D. 5 |

**Câu 4. T**ừ " *địa ngục*" được hiểu như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhà tù | **C. Lao ngục trong lòng đất** |
| B. Nơi tối tăm, thiếu ánh sáng | D. Nơi xa xôi |

**Câu 5. Câu :***“Con hãy yêu thương tất cả mọi người chung quanh mình và tận tình giúp đỡ họ khi mình có thể làm được”*có chức năng gì?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Dùng để khuyên bảo** | C. Dùng để ra lệnh |
| B. Dùng để yêu cầu | D. Dùng để đề nghị |

**Câu 6.** Hành động nói của văn bản trên nhằm mục đích gì?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Điều khiển** | C. Hỏi |
| B. Trình bày | D. Hứa hẹn |

**Câu 7. Câu “***Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi nó được tưới mát bằng dòng nước của thương yêu*” sử dụng biện pháp tu từ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | C. Liêt kê |
| B. Ản dụ | **D. Nhân hóa** |

**Câu 8.** Chủ đề của đoạn văn là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hãy biết yêu thương và giúp đỡ tất cả mọi người xung quanh** | C. Hãy biết ơn khi ai đó giúp đỡ mình |
| B. Hãy thể hiện niềm kiêu hãnh khi giúp đỡ mọi người | D. Vui mừng khi giúp đỡ ai đó |

**Câu 9.** Nêu nội dung chính của đoạn văn ?

**Câu 10.** Bài học mà em rút ra từ đoạn văn trên?

**II. Phần viết (4,0 điểm)**

Một số bạn đang đua đòi theo lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, với truyền thống văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh gia đình. Em hãy viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | **B** | 0,5 |
| **2** | **A** | 0,5 |
| **3** | **C** | 0,5 |
| **4** | **C** | 0,5 |
| **5** | **A** | 0,5 |
| **6** | **A** | 0,5 |
| **7** | **D** | 0,5 |
| **8** | **A** | 0,5 |
| **9** | - Học sinh nêu được đúng nội dung đoạn văn thì cho điểm tối đa. (Tuỳ thuộc vào câu trả lời có thể cho điểm 0,25; 0,5; 0,75.... | 1,0 |
|  | **10** | Học sinh rút ra được bài học cho bản thân. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn Nghị luận về một vấn đề xã hội.* Bố cục 3 phần rõ ràng, cân đối. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.* | 0,25 |
|  | ***c. Yêu cầu về nội dung:***  **HS có thể làm theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau đây:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  **\* Thân bài:**  ***- Trang phục là gì?***  + Trang phục là tất cả những thứ mà người ta khoác lên cơ thể. Trang phục bao gồm các loại quần áo và một số vật dụng khác đi kèm như mũ, giày, dép, tất, khăn quàng…  ***- Thực trạng hiện nay:*** Một số học sinh đua đòi theo những lối ăn mặc không phù hợp với lứa tuổi, văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình.  ***- Nguyên nhân***: Hiểu sai vấn đề: ăn mặc như thế là văn minh, sành điệu, có văn hoá.  ***- Tác hại:***  + Gây tốn nhiều tiền của.  + Mất thời gian, lơ là, chểnh mảng trong việc học tập.  + Tâm sinh lí chán nản, buồn bực nếu không có điều kiện chạy theo mốt trang phục.  + Người chạy theo mốt dễ coi thường người khác, chê người ta là lạc hậu, quê mùa và vô tình trở nên hợm hĩnh.  ***- Định hướng suy nghĩ và hành động đúng đắn:***  + Người học sinh cần phải hiểu rằng trang phục phải phù hợp với thời đại, xã hội và truyền thống văn hoá dân tộc.  + Hiểu được trang phục đẹp không phải là trang phục đắt tiền, mà là phù hợp với lứa tuổi, hoàn cảnh gia đình.  + Tránh ăn mặc đua đòi theo lối không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, với truyền thống văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh gia đình  **\* Kết bài:** Suy nghĩ của bản thân về hiện tượng này. | 0,5  0,25  0,5  0,25  0,5  0,5  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*: đảm bảo đúng chính tả ngữ pháp, dùng từ đặt câu.  *e*. *Sáng tạo*: HS có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ; có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng; bài viết sâu sắc. | 0,25  0,25 |